

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ



MỘT SỐ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA LUẬT PPP

Hà Nội, ngày 21/02/2020

Tổng quan về Dự án luật PPP

Mục tiêu xây dựng Luật:

1

- Thể chế hóa định hướng, chỉ đạo về phát triển CSHT quốc gia, huy động nguồn lực tư nhân qua PPP

2

- Xây dựng khung pháp lý riêng biệt, rõ ràng, khoa học cho dự án PPP, xử lý các mâu thuẫn, khác biệt giữa các Luật

3

- Đảm bảo phù hợp với cam kết quốc tế về đầu tư, thương mại mà Việt Nam là thành viên

4

- Tuân thủ nguyên tắc thị trường, lấy lợi ích của người dân và nhà đầu tư làm trọng tâm

5

- Thu hút tối đa nguồn lực của khu vực tư nhân

6

- Sử dụng hiệu quả nguồn lực của Nhà nước

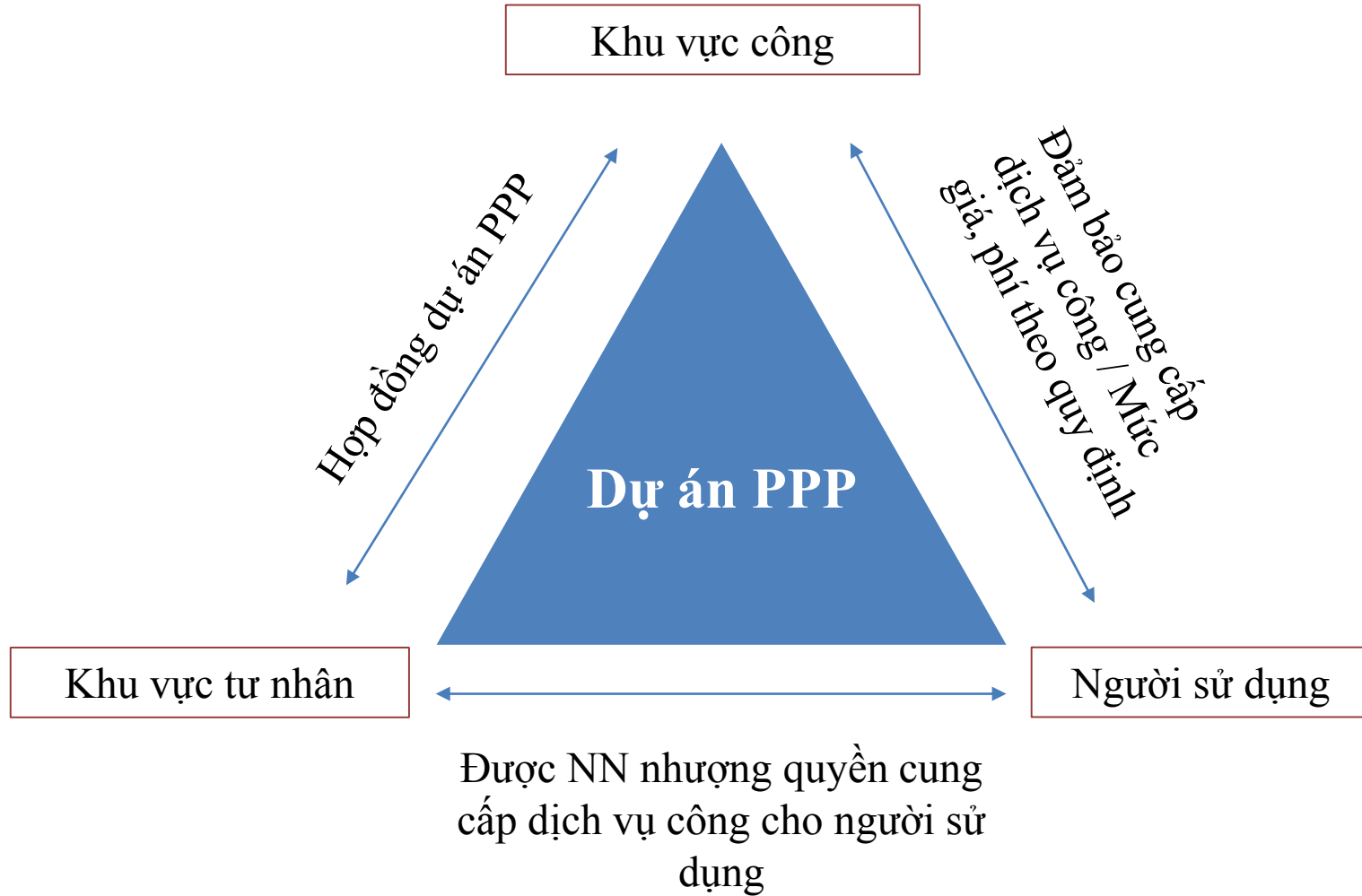
7

- Đảm bảo cơ chế thực hiện dự án, lựa chọn nhà đầu tư cạnh tranh, công khai, minh bạch, đơn giản, hiệu quả

8

- Phát huy các quy định về PPP đã triển khai hiệu quả, đảm bảo thông lệ quốc tế, hoàn thiện, đổi mới, tránh xáo trộn khung thể chế về PPP để không ảnh hưởng đến các dự án đang triển khai

Đầu tư theo phương thức PPP



Quy trình cơ bản thực hiện Dự án PPP



Nội dung cơ bản của Dự thảo luật PPP

Dự thảo Luật gồm 11 chương và 107 Điều:

- Chương I. Những quy định chung
- Chương II. Chuẩn bị dự án
- Chương III. Lựa chọn nhà đầu tư
- Chương IV. Thành lập doanh nghiệp dự án PPP và ký kết hợp đồng
- Chương V. Triển khai thực hiện dự án
- Chương VI. Nguồn vốn thực hiện dự án
- Chương VII. Ưu đãi và bảo đảm đầu tư;
- Chương VIII. Kiểm tra, thanh tra chuyên ngành, kiểm toán nhà nước và giám sát hoạt động đầu tư theo phương thức PPP
- Chương IX. Nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong đầu tư theo phương thức PPP
- Chương X. Giải quyết kiến nghị, tranh chấp, xử lý vi phạm
- Chương XI. Điều khoản thi hành

MỘT SỐ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO LUẬT

1. Việc đảm bảo đồng bộ, thống nhất giữa Luật này và các Luật khác
2. Lĩnh vực đầu tư – Quy mô và phân loại dự án PPP
3. Loại hợp đồng PPP
4. Sử dụng vốn Nhà nước trong dự án PPP
5. Hoạt động của doanh nghiệp dự án
6. Bảo đảm đầu tư
7. Cơ chế chia sẻ phần tăng, giảm doanh thu
8. Công khai, minh bạch trong đầu tư theo phương thức PPP
9. Quyết toán vốn đầu tư công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng
10. Hoạt động giám sát

1. Đảm bảo đồng bộ, thống nhất giữa Luật này và các Luật khác

Nội dung dự thảo

Dẫn chiếu cụ thể đến các Luật liên quan tại dự thảo Luật PPP, đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất giữa các Luật

Các nội dung cần sửa đổi của một số Luật được quy định cụ thể tại Điều 106 bao gồm sửa đổi: Luật Đấu thầu, Luật Bảo vệ môi trường, Luật Đầu tư công, Luật Giá.

2. Lĩnh vực đầu tư - Quy mô và phân loại dự án PPP (Điều 5)

Nội dung dự thảo

Đã được thu hẹp trên cơ sở rút gọn các lĩnh vực không đầu tư theo PPP hoặc đầu tư không hiệu quả trước đây bao gồm:

- ✓ Giao thông vận tải;
- ✓ Lưới điện; Nhà máy điện (trừ nhà máy thủy điện);
- ✓ Thủy lợi; cung cấp nước sạch; thoát nước và xử lý nước thải; xử lý chất thải;
- ✓ Y tế; giáo dục - đào tạo;
- ✓ Hạ tầng công nghệ thông tin;

Dự án PPP được phân loại:

- Dự án thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Quốc hội;
- Dự án thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ;
- Dự án thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Bộ, cơ quan trung ương và cơ quan khác;
- Dự án thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh.

2. Quy mô và phân loại dự án PPP (Điều 5)

Nội dung dự thảo

Căn cứ nhu cầu, nguồn lực phát triển kinh tế - xã hội trong từng thời kỳ, quy mô tổng mức đầu tư tối thiểu của dự án PPP đối với từng lĩnh vực nhưng không thấp hơn 200 tỷ đồng, trường hợp thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn theo pháp luật về đầu tư và các dự án thuộc lĩnh vực Y tế, giáo dục- đào tạo thì không thấp hơn 100 tỷ đồng.

Kinh nghiệm quốc tế

Nước	Hạn mức tối thiểu làm PPP (triệu USD)	GDP/người (2017) (USD)
Canada	100	45.032
Singapore	50	57.714
Úc	50	53.799
Anh	25	39.720
Brazil	11,7	9.821
Colombia	1,4	6.408
Nam Phi	1	6.151
Hàn Quốc	Không quy định	29.742
Ấn Độ	Không quy định	1.942
Philippines	Không quy định	2.988

3. Loại hợp đồng PPP (Điều 46)

Nội dung dự thảo

Kế thừa quy định của Nghị định 63/2018/NĐ-CP:

- (i) Loại hợp đồng thu phí trực tiếp từ người sử dụng (BOT, BTO, BOO, O&M);
- (ii) Loại hợp đồng Nhà nước thanh toán cho nhà đầu tư (BTL, BLT);
- (iii) Loại hợp đồng BT

Hợp đồng BT:

- Đề phù hợp với bản chất “dài hạn” của hợp đồng PPP Dự thảo luật thiết kế gắn trách nhiệm của Nhà đầu tư với công tác bảo trì và hỗ trợ vận hành công trình.
- Quy định chặt chẽ hơn trong bước chuẩn bị dự án; đấu thầu; thanh toán kiểm toán.

Thể chế chủ trương chỉ đạo của Ủy ban Thường vụ Quốc hội tại Nghị quyết số 437/2017/UBTVQH14:

Đối với các dự án nâng cấp, cải tạo, không áp dụng nhóm hợp đồng thu phí trực tiếp từ người sử dụng.

4. Sử dụng vốn nhà nước trong dự án PPP – Đối với phần vốn hỗ trợ xây dựng (Điều 73, Điều 74)

Vốn hỗ trợ xây dựng (VGF)

Nguồn bố trí

- Vốn đầu tư công hoặc giá trị tài sản công;
- Dòng ngân sách dành cho phần vốn đầu tư công trong dự án PPP tại kế hoạch đầu tư công trung hạn

Cơ chế 1: Tách riêng để đầu tư các hạng mục riêng biệt của dự án

Vốn NN
đầu tư
20km

Nhà đầu tư
thực hiện
60 km

Tuyến đường A

Cơ chế 2: Hòa chung và giải ngân theo hạng mục (gói thầu) cụ thể, tỷ lệ, giá trị, tiến độ tại hợp đồng

Hòa chung vốn góp của NN và vốn của nhà đầu tư để đầu tư 80 km

Tuyến đường A

Tỷ lệ vốn nhà nước tham gia dự án PPP theo quy định tại điểm a và c khoản 1 Điều này không quá 50% tổng mức đầu tư. Đối với dự án có nhiều dự án thành phần, trong đó có dự án thành phần áp dụng phương thức PPP thì tỷ lệ vốn nhà nước hỗ trợ xây dựng công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng được xác định trên tổng mức đầu tư của dự án thành phần. (Khoản 2 Điều 73)

5. Hoạt động của doanh nghiệp dự án (Điều 45)

Nội dung dự thảo

- Sau khi có quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư, nhà đầu tư thành lập doanh nghiệp có mục đích duy nhất để thực hiện dự án theo mô hình công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc công ty cổ phần quy định tại hợp đồng. Hồ sơ, thủ tục thành lập doanh nghiệp dự án PPP thực hiện theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và pháp luật có liên quan.
- Doanh nghiệp dự án chỉ được phát hành trái phiếu theo quy định của Luật này, phải huy động vốn CSH của nhà đầu tư mà không phát hành cổ phiếu đại chúng.
- Vốn huy động theo quy định nêu trên không được sử dụng cho bất kỳ mục đích nào ngoài mục đích phục vụ dự án PPP.

Trong quá trình vận hành, kinh doanh công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng, doanh nghiệp dự án PPP có trách nhiệm: (Điều 67)

- Cung cấp sản phẩm, dịch vụ công và thực hiện các nghĩa vụ khác theo yêu cầu, điều kiện thỏa thuận tại hợp đồng;
- Bảo đảm việc sử dụng công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng theo các điều kiện quy định trong hợp đồng;
- Đối xử bình đẳng với tất cả các đối tượng sử dụng các sản phẩm, dịch vụ công do doanh nghiệp dự án PPP cung cấp; không được sử dụng quyền kinh doanh công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng để khước từ cung cấp dịch vụ cho các đối tượng sử dụng;
- Tiếp nhận, xử lý kịp thời góp ý của các đối tượng sử dụng về chất lượng sản phẩm, dịch vụ công do doanh nghiệp dự án PPP cung cấp;
- Sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ, bảo đảm công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng vận hành an toàn theo đúng thiết kế hoặc quy trình đã cam kết tại hợp đồng.

6. Bảo đảm đầu tư (Điều 83)

**Nội dung
dự thảo**

1. Nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án PPP được hưởng các bảo đảm đầu tư khác theo quy định của pháp luật về đầu tư.
2. Bảo đảm về quyền tiếp cận đất, quyền sử dụng đất và tài sản công khác:
3. Bảo đảm cung cấp các dịch vụ công cộng
4. Bảo đảm quyền thế chấp tài sản, quyền kinh doanh công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng

7. Cơ chế chia sẻ về doanh thu (Điều 85, Điều 86)

Nội dung dự thảo

Cơ chế chia sẻ rủi ro về doanh thu trong khuôn khổ hợp đồng PPP:

(1) Được thực hiện giữa 02 chủ thể ký kết hợp đồng PPP

(2) Cơ chế:

- Điều chỉnh giảm mức giá, phí sản phẩm, dịch vụ công hoặc rút ngắn thời hạn hợp đồng PPP trong trường hợp doanh thu thực tế vượt quá doanh thu trong phương án tài chính quy định tại hợp đồng;

- Điều chỉnh tăng mức giá, phí sản phẩm, dịch vụ công hoặc gia hạn thời hạn hợp đồng PPP trong trường hợp doanh thu thực tế thấp hơn doanh thu trong phương án tài chính quy định tại hợp đồng.

7. Cơ chế chia sẻ phần tăng, giảm doanh thu (Điều 86)

Phương án 1:

- Khi doanh thu thực tế đạt cao hơn 125% mức doanh thu trong phương án tài chính, Nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án PPP chia sẻ với Nhà nước 50% phần tăng thu giữa doanh thu thực tế đó và doanh thu đạt ở mức 125% doanh thu trong phương án tài chính. Việc chia sẻ phần tăng doanh thu được áp dụng sau khi đã thực hiện điều chỉnh thời hạn hợp đồng PPP.
- Nhà nước chia sẻ với nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án PPP 50% phần giảm thu giữa doanh thu thực tế và doanh thu cam kết tại hợp đồng đối với dự án PPP đáp ứng đầy đủ các điều kiện:
 - Dự án do cơ quan có thẩm quyền lập; áp dụng loại hợp đồng BOT, BTO, BOO và không sử dụng vốn nhà nước hỗ trợ xây dựng công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng quy định tại Điều 73 của Luật này;
 - Quy hoạch, chính sách, pháp luật có liên quan thay đổi làm doanh thu thực tế thấp hơn 75% mức doanh thu trong phương án tài chính;
 - Đã thực hiện đầy đủ các biện pháp điều chỉnh mức giá, phí sản phẩm, dịch vụ hoặc điều chỉnh thời hạn hợp đồng PPP theo quy định tại Điều 52 và Điều 53 của Luật này nhưng chưa bảo đảm được mức doanh thu quy định tại điểm b khoản này.
- Cơ chế chia sẻ phần giảm doanh thu quy định tại khoản 2 Điều này phải được xác định tại quyết định chủ trương đầu tư. Đối với dự án PPP thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, việc chia sẻ phần giảm doanh thu do ngân sách địa phương bảo đảm.
- Định kỳ hàng năm, các bên trong hợp đồng dự án PPP xác định doanh thu thực tế, gửi cơ quan tài chính theo phân cấp xem xét thực hiện cơ chế chia sẻ phần tăng, giảm doanh thu. Việc hạch toán thu, chi ngân sách nhà nước khi chia sẻ phần tăng, giảm doanh thu thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

7. Cơ chế chia sẻ lỗ, lãi (Điều 86a)

Phương án 2:

1. Khi doanh nghiệp dự án PPP phát sinh lãi lớn hơn sau điểm hòa vốn so với phương án tài chính tại hợp đồng, nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án PPP chia sẻ với Nhà nước 50% số lãi tăng thêm. Việc chia sẻ phần lãi tăng thêm được áp dụng sau khi đã thực hiện điều chỉnh thời hạn hợp đồng PPP theo quy định tại điểm đ khoản 3 Điều 54 của Luật này.

2. Nhà nước chia sẻ với nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án PPP 50% phần lỗ sau điểm hoà vốn so với phương án tài chính của hợp đồng đối với dự án PPP đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây:

a) Dự án do cơ quan có thẩm quyền lập; áp dụng loại hợp đồng BOT, BTO, BOO và không sử dụng vốn nhà nước hỗ trợ xây dựng công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng quy định tại Điều 73 của Luật này;

b) Quy hoạch, chính sách, pháp luật có liên quan thay đổi làm doanh nghiệp bị thua lỗ;

c) Đã thực hiện đầy đủ các biện pháp điều chỉnh mức giá, phí sản phẩm, dịch vụ hoặc điều chỉnh thời hạn hợp đồng PPP theo quy định tại Điều 51 và Điều 52 của Luật này nhưng doanh nghiệp bị thua lỗ;

3. Cơ chế chia sẻ phần lỗ quy định tại khoản 2 Điều này phải được xác định tại quyết định chủ trương đầu tư. Đối với dự án PPP thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, việc chia sẻ phần lỗ do ngân sách địa phương bảo đảm.

4. Từ thời điểm phát sinh sự thay đổi của quy hoạch, chính sách, pháp luật của Nhà nước, các bên trong hợp đồng dự án PPP xác định phần lỗ thực tế gửi cơ quan tài chính theo phân cấp xem xét thực hiện cơ chế chia sẻ phần lỗ, lãi. Việc hạch toán thu, chi ngân sách nhà nước khi chia sẻ phần lỗ, lãi thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

8. Công khai, minh bạch trong đầu tư theo phương thức PPP

Nội dung dự thảo

Các thông tin về đầu tư theo phương thức PPP phải được công bố trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bao gồm:

- Thông tin về quyết định chủ trương đầu tư; quyết định phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi dự án PPP;
- Thông tin về đấu thầu bao gồm: thông báo mời sơ tuyển, thông báo mời thầu, danh sách ngắn, kết quả lựa chọn nhà đầu tư;
- Thông tin về nhà đầu tư trúng thầu, doanh nghiệp dự án PPP (nếu có);
- Nội dung cơ bản của hợp đồng PPP;
- Giá trị quyết toán vốn đầu tư công trong dự án PPP (nếu có);
- Văn bản quy phạm pháp luật về đầu tư theo phương thức PPP;
- Cơ sở dữ liệu về nhà đầu tư;
- Thông tin xử lý vi phạm pháp luật về đầu tư theo phương thức PPP.

Ý kiến cộng đồng về tính khả thi của Dự án phải được phản ánh trong nội dung báo cáo nghiên cứu khả thi. (Khoản 1 Điều 20)

9. Quyết toán vốn đầu tư công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng

1. Sau khi hoàn thành công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng, cơ quan ký kết hợp đồng thực hiện quyết toán vốn đầu tư công trong dự án PPP như sau:

a) Trường hợp vốn đầu tư công trong dự án PPP được quản lý và sử dụng theo cách thức quy định tại điểm a khoản 5 Điều 74 và khoản 2 Điều 76 của Luật này, cơ quan ký kết hợp đồng và doanh nghiệp dự án PPP thực hiện thủ tục quyết toán vốn đầu tư công trong dự án PPP theo quy định của pháp luật đối với dự án đầu tư công;

b) Trường hợp vốn đầu tư công trong dự án PPP được quản lý và sử dụng theo cách thức quy định tại điểm b khoản 5 Điều 74 của Luật này, cơ quan ký kết hợp đồng tổng hợp giá trị đã giải ngân cho doanh nghiệp dự án PPP, được kiểm toán định kỳ, làm giá trị quyết toán vốn đầu tư công trong dự án PPP. Vốn đầu tư công trong dự án PPP được quyết toán không vượt quá mức vốn nhà nước được xác định tại hợp đồng căn cứ kết quả lựa chọn nhà đầu tư.

9. Quyết toán vốn đầu tư công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng

2. Sau khi hoàn thành công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng, cơ quan ký kết hợp đồng và doanh nghiệp dự án PPP thực hiện thủ tục quyết toán vốn đầu tư xây dựng công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng. Giá trị quyết toán vốn đầu tư xây dựng công trình hoặc giá trị quyết toán vốn đầu tư đối với dự án không có cấu phần xây dựng được xác định căn cứ hợp đồng đã ký kết trên cơ sở kết quả lựa chọn nhà đầu tư.

3. Cơ quan ký kết hợp đồng thỏa thuận với doanh nghiệp dự án PPP tại hợp đồng việc lựa chọn tổ chức kiểm toán độc lập, có năng lực và kinh nghiệm để thực hiện việc kiểm toán vốn đầu tư xây dựng công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng.

Nội dung dự thảo

Chủ thể giám sát:

- Giám sát của cơ quan quản lý nhà nước về PPP
- Giám sát của cộng đồng dân cư trên địa bàn dự án thông qua Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp.



1. Kiểm toán tuân thủ về quá trình chuẩn bị dự án, kết quả lựa chọn nhà đầu tư đối với dự án PPP.
2. Kiểm toán việc sử dụng tài chính công, tài sản công như sau:
 - a) Vốn nhà nước để bồi thường, giải phóng mặt bằng, hỗ trợ, tái định cư, hỗ trợ xây dựng công trình tạm (nếu có) quy định tại Điều 76 của Luật này;
 - b) Vốn nhà nước để hỗ trợ xây dựng công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng khi tách thành một dự án thành phần quy định tại điểm a khoản 5 Điều 74 của Luật này;
 - c) Tài sản công để thanh toán cho nhà đầu tư thực hiện dự án BT quy định tại khoản 3 Điều 46 của Luật này.
3. Kiểm toán hoạt động để đánh giá tính kinh tế, hiệu lực và hiệu quả trên cơ sở các chỉ số đánh giá chất lượng sản phẩm, dịch vụ của dự án PPP.
4. Kiểm toán toàn bộ giá trị tài sản của dự án PPP khi được chuyển giao cho Nhà nước.

Kế hoạch triển khai tiếp theo

- *Tiến độ trình Dự án Luật*

8-12/5/2020

- Xin ý kiến các Đoàn ĐBQH

29/5/2020

- Quốc hội thảo luận

12/6/2020

- Trình Quốc hội xem xét thông qua Dự thảo luật



TRÂN TRỌNG CẢM ƠN!